

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Huỳnh Hồng.**
2. Bà: **Nguyễn Thị Hồng Diễm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Minh T** – sinh ngày: 25/12/1981 (có mặt).
2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị B** – sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2019 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào tháng 5 năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/6/2007.

Sau ngày cưới vợ chồng anh sống chung gia đình cha mẹ ruột anh, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm đến tháng 4 năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường hay cự cãi. Anh và chị B đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo Ngọc Như M, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lê T L, sinh ngày 20/02/2009. Hiện nay cháu Như M và cháu

L đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Như M và cháu L, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lê Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh Lê Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Chị Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 26/12/2019 chị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo Ngọc Như M, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lê T L, sinh ngày 20/02/2009. Hiện nay cháu Như M và cháu L đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn cháu Như M và cháu L sống với chị hay sống với anh T thì tùy theo nguyện vọng của con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Nguyễn Thị B có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị B.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị B do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào vào tháng 5 năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/6/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo anh T trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 8 năm đến tháng 4 năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. L nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường hay cự cãi. Anh T và chị B không còn sống chung từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị B thì

chị B đồng ý. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo Ngọc Như M, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lê T L, sinh ngày 20/02/2009. Hiện nay cháu Như M và cháu L đang sống chung với chị B. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Như M và cháu L, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con. Tại các bản khai ý kiến cùng ngày 03/01/2020 của cháu Như Ý và cháu L thì nguyện vọng của cháu Như M và cháu L xin được sống với cha là anh T. Tại bản khai ý kiến ngày 26/12/2019 của chị B thì ý kiến của chị B là sau khi ly hôn cháu Như M và cháu L sống với chị hay sống với anh T thì tùy theo nguyện vọng của con. Do đó chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Lê Bảo Ngọc Như M và cháu Lê T L cho anh Lê Minh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Minh T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Bảo Ngọc Như M, sinh ngày 25/9/2007 và cháu Lê T L, sinh ngày 20/02/2009. Giao cháu Lê Bảo Ngọc Như M và cháu Lê T L cho anh Lê Minh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Lê Minh T đã nộp theo biên lai thu số N⁰0007764, ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Lê Minh T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Hiếu Phụng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Cao Văn Lạc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Lạc